

VĂN HÓA BIỂN VIỆT NAM VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA BIỂN ĐẢO

VIETNAM'S MARINE CULTURE AND DEVELOPMENT OF MARINE-ISLAND CULTURAL TOURISM

PHAN HUY XU^(*) và VÕ VĂN THÀNH^(**)

TÓM TẮT: Các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước khẳng định Việt Nam là một đất nước có cội nguồn văn hóa biển lâu đời, hiện hữu khắp lãnh thổ với giá trị văn hóa biển đa dạng và phong phú. Trong bài viết này, chúng tôi không có tham vọng đưa ra khái niệm hay định nghĩa về văn hóa biển đảo, thay vào đó, chúng tôi giới thiệu tổng quan những khái niệm và định nghĩa nổi bật về văn hóa biển hay văn hóa biển đảo của các tổ chức, các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Một luận điểm nữa chúng tôi muốn đề cập trong bài viết này là trên cơ sở văn hóa biển đảo Việt Nam, chúng ta cần xây dựng loại hình du lịch văn hóa biển đảo, góp phần làm nên sản phẩm du lịch Việt Nam ngày càng đa dạng nhưng độc đáo, nâng ngành du lịch Việt Nam lên một tầm cao mới, để ngành du lịch Việt Nam thực sự trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn như Đảng, Nhà nước đã đề ra.

Từ khóa: văn hóa biển, du lịch biển đảo, du lịch văn hóa biển đảo, loại hình du lịch biển đảo, sản phẩm du lịch.

ABSTRACT: Researchers at home and abroad assert that Vietnam is a country that has a long marine culture history, existing throughout Vietnam with rich and varied values. In this article, we do not have the ambition to set a concept or definition of marine-island culture. Instead of this, we review the prominent concepts and definitions of marine culture or marine-island culture of domestic and foreign institutions as well as scholars individually. Another point we would like to mention in this article is that on the basis of marine-island culture in Vietnam, we need to build the type of marine-island tourism that contributes to the increasing number of Vietnam tourism product in other to develop Vietnam tourism into a higher level so that Vietnam tourism truly becomes a spearhead economic sector as set by the Party and the State of Vietnam.

Keywords: marine culture, marine-island tourism, marine-island cultural tourism, type of marine-island tourism, tourism products.

(*) PGS.TS. Trường Đại học Văn Lang, Email: xuphanhuy@gmail.com

(**) ThS. Trường Đại học Văn Lang, Email: vonhanchi@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam nằm trên bán đảo Đông Dương với ba mặt giáp biển và có bờ biển dài hơn 3.260 km, từ Móng Cái đến Hà Tiên. Lãnh hải Việt Nam rộng hơn một triệu km², lớn gấp 3 lần lãnh thổ. Biển Việt Nam có hơn 3.000 hòn đảo lớn, nhỏ, trong đó có hai quần đảo nổi tiếng là Hoàng Sa (Paracel islands) và Trường Sa (Spratly islands) từ lâu đã được lịch sử chứng minh thuộc chủ quyền của Việt Nam. Có thể nói Việt Nam là một đất nước mang đặc trưng biển đảo điển hình của khu vực và thế giới [18]. Các di chỉ khảo cổ dọc theo bờ biển, cửa sông,... của nước ta cho thấy, từ thời tiền sử, những cư dân sinh sống trên dải đất mang hình dáng chữ “S” này đã tiếp xúc với biển, một bộ phận dân cư sống ven biển và xem biển là nguồn sống của họ. Các nền văn hóa đặc trưng ở Việt Nam như văn hóa của cư dân Cái Bèo, Hạ Long, Đông Sơn, Sa Huỳnh, Óc Eo,... đa phần mang tính chất biển đảo.

Văn hóa biển hiện diện dọc theo chiều dài lãnh thổ Việt Nam từ bắc tới nam, tuy rằng có những nơi nó được thể hiện đậm nét, có nơi mờ nhạt, nhưng nhìn chung, văn hóa biển Việt Nam theo nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước là một vấn đề không thể phủ nhận. Những giá trị văn hóa biển, cả về lĩnh vực văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể của các cộng đồng dân cư hiện hữu khắp chiều dài đất nước Việt Nam, đặc biệt ở 28 tỉnh, thành có biển đảo.

Bấy lâu nay, Việt Nam được du khách trong và ngoài nước biết đến với nguồn tài nguyên biển đảo đa dạng và phong phú, với những cảnh quan được xem là kỳ quan của thế giới như vịnh Hạ Long, với những

vũng, vịnh, bãi tắm trải dài theo lãnh thổ được các tạp chí du lịch quốc tế đánh giá rất có giá trị về mặt du lịch nghỉ dưỡng, thể thao biển,... Trên thực tế, du lịch biển đảo Việt Nam đang thu hút nhiều du khách quốc tế đến nghỉ dưỡng, tổ chức các đại hội thể thao và tận hưởng vẻ đẹp của thiên nhiên. Bên cạnh đó, văn hóa biển đảo Việt Nam rất đa dạng và độc đáo, cần khai thác các giá trị đó để nâng cao kinh tế, vị trí của du lịch Việt Nam trên trường quốc tế, đưa du lịch Việt Nam trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần thực hiện mục tiêu kinh tế biển theo Nghị quyết số 09-NQ/TW (09/2/2007) của Hội nghị lần thứ IV Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về *chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020: “Phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, bảo đảm vững chắc chủ quyền quốc gia trên biển, đảo, góp phần quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”*.

2. NỘI DUNG

2.1. Khái niệm văn hóa biển

Văn hóa biển (Marine Culture) được diễn đạt bằng nhiều thuật ngữ khác nhau như *văn hóa học về biển* (Marine Culturology) hay *văn hóa biển, đảo* (Marine and Island Cultures) hoặc *Văn hóa biển, cận duyên và đảo* (Marine, Coastal and Island Culture),... Đây là vấn đề đang được giới nghiên cứu trên thế giới quan tâm. Cách hiểu về văn hóa biển hiện nay được các nhà nghiên cứu phát biểu dưới nhiều góc độ.

Rõ ràng, *văn hóa biển* (Marine Culture) là một bộ phận quan trọng thuộc sở hữu của con người hình thành từ các nền

văn minh. Theo tổ chức Marine Tourism (2006), *“Văn hóa biển là một hiện tượng văn hóa hình thành dưới tác động của môi trường biển lên cuộc sống và lao động của con người, lên các giá trị, lên thực tiễn tinh thần và sức sản xuất vật chất của xã hội”*. Theo Shanghai World Expo (2010), *“Văn hóa biển được định nghĩa là văn hóa có liên quan tới đại dương, bắt nguồn từ hoạt động sáng tạo văn hóa trong một thời gian dài của cư dân vùng duyên hải sống trong sự tương tác trực tiếp với biển, hình thành bởi tác động của các tục lệ biển, các giá trị và các biểu tượng văn hóa hữu hình và vô hình khác”* [26].

Tác giả E. Ju.Tereshchenko cho rằng, *“Văn hóa biển là một khái niệm đã được xác định vững chắc, nó giả định có sự hiện diện của một quốc gia có phúc lợi gắn liền với đại dương thế giới; nền kinh tế và chính trị của quốc gia đó phụ thuộc sâu sắc vào hoạt động ở vùng mặt nước đại dương thế giới. Khác với văn minh biển, văn hóa biển gắn liền với các lối thức thích nghi của cộng đồng đó vì sự sống còn của mình trong môi trường cạnh tranh”* [3]. Các tác giả Jame D. Spired và Della A. Scott-Ireton cho rằng, *“tất cả những hoạt động hàng hải bao gồm các loại tàu thủy lớn, bè nhỏ, các vụ đắm tàu, xưởng đóng tàu, bến cảng, cầu tàu, kho bãi, kênh rạch, ngọn hải đăng, trạm cứu sinh và trợ giúp định vị khác, các di chỉ ven bờ, các phương tiện hải quân và các hoạt động triển lãm có liên quan đến các cộng đồng đương đại, ... đều có thể xem là văn hóa biển”* [4].

Một số tác giả Việt Nam phát biểu về văn hóa biển qua góc độ chuyên môn như Ngô Đức Thịnh, Trần Ngọc Thêm, Vũ

Minh Giang, Nguyễn Văn Ngọc, Nguyễn Văn Kim,... Tác giả Ngô Đức Thịnh cho rằng, *“Văn hóa biển được hiểu như là hệ thống tri thức của con người về môi trường biển, các giá trị rút ra từ những hoạt động sống trong môi trường ấy, cùng với nó là những cảm thụ, hành vi ứng xử, những nghi lễ, tập tục, thói quen của con người tương thích với môi trường biển”* [8]. Ông đánh giá văn hóa biển là một dạng thức thuộc nhóm “văn hóa sinh thái”, nghiên cứu về nghệ thuật và nhân văn xung quanh môi trường biển.

Tác giả Trần Ngọc Thêm có một số quan điểm đồng thuận với tác giả Ngô Đức Thịnh khi cho rằng, *“Văn hóa biển là một thành tố văn hóa phân loại theo điều kiện sinh thái, hình thành dưới tác động của môi trường biển lên cuộc sống và lao động của con người, lên các giá trị tinh thần và sức sản xuất vật chất xã hội”* [17]. Văn hóa biển *“là hệ thống các giá trị do con người sáng tạo ra và tích lũy được trong quá trình tồn tại, lấy biển cả làm nguồn sống chính, ... Văn hóa biển trước hết phải là văn hóa và phải thỏa mãn các yếu tố đặc trưng có tính hệ thống, tính giá trị, tính nhân sinh và tính lịch sử”* [16].

Theo tác giả Vũ Minh Giang, văn hóa biển là một khái niệm rộng, hiểu đầy đủ còn bao gồm cả văn hóa các vùng duyên hải nên đôi khi trong thuật ngữ còn được bổ sung thêm từ bờ biển để làm rõ khái niệm (Marine, Coastal and Island Culture). Dưới góc độ này, tác giả cho rằng, *“Văn hóa biển là những sản phẩm sáng tạo của con người trong quan hệ tương tác với môi trường biển đảo. Văn hóa biển đảo cũng có*

thể phân thành hai hợp phần: văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể” [23].

Nội hàm “văn hóa biển” đã bao gồm đảo, do đó, không cần nói “văn hóa biển đảo” mà chỉ nói “văn hóa biển” là đủ [16]. Do đó, để thống nhất cách gọi và quy ước làm việc, từ đây về sau, chúng tôi dùng thuật ngữ “văn hóa biển” thay cho “văn hóa biển đảo”.

Dù là dưới góc độ tiếp cận văn hóa học hay nhân học văn hóa, văn hóa biển là một khái niệm rất rộng, nhưng các tổ chức, các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước có cùng nhận định khi cho rằng, đó là những hoạt động sáng tạo của con người dưới tác động của môi trường sinh thái biển, đảo để hình thành nên các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể (cũng có thể hiểu là giá trị vật chất và tinh thần) liên quan đến biển, đảo. Như vậy, đối với các quốc gia biển, đảo, văn hóa biển hiện hữu là điều tất nhiên. Việt Nam là một quốc gia biển đảo điển hình ở khu vực và thế giới với chỉ số duyên hải (ISCL) thuộc loại cao nhất thế giới, theo tính toán của các chuyên gia về biển, chỉ số duyên hải (ISCL) của Việt Nam ≈ 103 . Theo nguyên tắc, ISCL càng nhỏ thì tác động của biển càng lớn, ảnh hưởng của biển đối với Việt Nam lớn hơn Trung Quốc gần gấp 5 lần (ISCL của Trung Quốc ≈ 500). Văn hóa biển hiện hữu trong nền văn hóa Việt Nam là điều hiển nhiên.

2.2. Vài nét về lịch sử văn hóa biển Việt Nam

Các nhà nghiên cứu trong nước như Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Ngô Đức Thịnh, Trần Ngọc Thêm, Nguyễn Văn Kim, Vũ Minh Giang, Nguyễn Quang Ngọc,... đều khẳng định Việt Nam có văn

hóa biển từ thời cổ đại cho đến nay, với không gian văn hóa biển ngày càng mở rộng và hàm lượng văn hóa biển ngày càng đậm chất trong tiến trình lịch sử và sự mở rộng không gian sinh tồn. Trong tác phẩm *Biển với người Việt Cổ*, các tác giả cho rằng, với những hiểu biết hiện nay, ở Việt Nam, con người gắn với môi trường biển sớm nhất từ thời trung kỳ đồ đá, tức cách ngày nay khoảng trên dưới 7.000 năm, với các di chỉ văn hóa lần lượt từ trung kỳ, hậu kỳ đá mới đến sơ kỳ kim khí, như di chỉ Gò Trũng (thuộc văn hóa Đa Bút phân bố ở Thanh Hóa, Ninh Bình), Hoa Lộc (Thanh Hóa), Cái Bèo (Cát Bà), Hạ Long (Quảng Ninh), Sa Huỳnh (Quảng Ngãi) [21].

Huyền sử kết duyên mẹ Âu Cơ (giống tiên trên núi) và cha Lạc Long Quân (giống rồng dưới biển) phản nào thể hiện gốc biển của cha Lạc Long Quân. Sự tích Mai An Tiêm bị đày ra đảo hoang, tương truyền nay là vùng Nga Sơn (Thanh Hóa), sự tích Tiên Dung - Chử Đồng Tử - một trong Tứ bất tử trong văn hóa của người Việt cũng là những trường hợp mang dấu ấn văn hóa biển từ thời vua Hùng Vương thứ 18. Các nhà nghiên cứu cho rằng, cùng với huyền thoại Lạc Long Quân - Âu Cơ, cuộc kỳ duyên Tiên Dung - Chử Đồng Tử cũng gợi mở những liên tưởng về một truyền thống thương nghiệp của dân tộc Việt Nam gắn liền với môi trường biển. Theo tác giả Nguyễn Văn Kim, *“từ thời tiền sử và sơ sử, sinh thể văn hóa dân tộc đã chứa đựng nhiều tiềm năng và động lực phát triển. Cánh cửa văn hóa của đất nước ta đã đồng thời mở ra nhiều hướng, với các dòng tiếp giao văn hóa đa diện, đa chiều” [11].*

Trong hơn một ngàn năm Bắc thuộc, văn hóa biển của người Việt có phần nhạt đi do công cuộc chống ách đô hộ của phong kiến phương Bắc. Tuy nhiên ở phía Nam, văn hóa Óc Eo với nhà nước Phù Nam có nền văn hóa biển rất phát triển từ thế kỷ I đến thế kỷ VI. *“Đế chế Phù Nam có đến hơn 10 nước với trung tâm Phù Nam nằm trên đất hạ lưu sông Mekong (chủ yếu là Nam Bộ)”* [24]. *“Đô thị - cảng Óc Eo luôn giữ vai trò trung tâm kinh tế, văn hóa quan trọng và là trung tâm mậu dịch quốc tế lớn nhất của Phù Nam”* [13]. Miền trung Việt Nam có vương quốc Chăm-pa ra đời (thế kỷ II) dựa trên nền tảng văn hóa Sa Huỳnh và phát triển thêm. Vương quốc Chăm-pa có nền văn hóa biển rất phát triển, đặc biệt là thương mại biển, cảng biển. Trong hải đồ của Ả Rập - Ba Tư từ thế kỷ VIII đến thế kỷ XIV có địa danh Champa sea (Biển Chăm-pa) [19]. Thương cảng Hội An hình thành trong khoảng thế kỷ XV - XVI, thịnh đạt trong thế kỷ XVII - XVIII, nhưng trước đó rất lâu (từ thế kỷ II trở về trước), vùng đất Hội An đã nằm trong địa bàn phân bố của văn hóa tiền Sa Huỳnh, đến thời văn hóa Sa Huỳnh và Hội An là một cảng thị trọng yếu của Chăm-pa (từ thế kỷ II đến thế kỷ XV) [19]. Từ khi giành được độc lập, văn hóa biển của người Việt lại đậm dần lên. Năm 1149, vua Lý Anh Tông cho thành lập hải trang - thương cảng Vân Đồn thông thương với nước ngoài, mở ra sự hình thành và phát triển của hệ thống thương cảng Vân Đồn - cánh cửa hội nhập đầu tiên của nước ta về kinh tế và văn hóa mà có nhà nghiên cứu đánh giá là *“tư duy vượt ra khỏi châu thổ sông Hồng”* [11]. Dưới thời vua Lê - chúa Trịnh ở Đàng

Ngoài và chúa Nguyễn ở Đàng Trong, rất nhiều nhà buôn quốc tế đến buôn bán và lập thương điểm ở Phố Hiến (Đàng Ngoài), Hội An (Đàng Trong), đặc biệt các chúa Nguyễn ở Đàng Trong rất chú ý đến thương mại và kinh tế biển (được các nhà khoa học xem là thể chế biển ở Đàng Trong) [21]. Đầu thế kỷ XIX, nhà Nguyễn thống nhất Việt Nam với lãnh thổ và vùng biển rộng lớn như ngày nay. Các vị vua đầu triều như Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị rất quan tâm đến biển đảo,... Lúc bấy giờ, Việt Nam thực sự là một thể chế biển với lực lượng thủy quân hùng hậu đủ sức kiểm soát bờ biển dài từ bắc tới nam và đảm bảo cho các thương thuyền nước ngoài đến giao dịch. Đến khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, biển Việt Nam dưới danh nghĩa thuộc Pháp, văn hóa biển Việt Nam có phần chững lại, tuy rằng cư dân ven biển dọc theo chiều dài đất nước gắn bó với biển, đảo vẫn thực hành nhiều nét văn hóa biển đảo như thờ cúng cá Ông, tổ chức đánh bắt trên biển, đóng tàu, thuyền đi biển, tổ chức làng vạn chài phù hợp với môi trường ven biển, đảo.

Sau năm 1975, Việt Nam hoàn toàn độc lập và thống nhất, văn hóa biển được Nhà nước quan tâm nhiều hơn từ việc đầu tư cho hải quân [12] đến việc phát triển kinh tế biển, khoa học kỹ thuật biển để khai thác biển như là nguồn thu nhập chủ yếu. Từ năm 1977, Đại tướng Võ Nguyên Giáp làm Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam xem vấn đề đưa dân ra biển quan trọng vô cùng vì muốn phát triển kinh tế miền biển thì càng phải đưa dân ra biển [22]. Tóm lại, đó là hình thức tăng cường chất văn hóa biển của Việt Nam

trong thời kỳ hiện đại từ chủ trương của Đảng và Nhà nước. Về phía quần chúng nhân dân, văn hóa biển với các dạng thức ngày càng phát triển đa dạng và phong phú, trong đó có văn hóa mưu sinh trên biển, góp phần khẳng định chủ quyền biển, đảo Việt Nam ở Biển Đông (đặc biệt là đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa).

2.3. Những giá trị đặc trưng của văn hóa biển Việt Nam

Đề cập đến văn hóa nhất thiết phải đề cập đến các giá trị, vì thế văn hóa biển có thể hiểu là tập hợp các giá trị vật chất và tinh thần được con người sáng tạo ra và tích lũy dần trong quá trình lấy biển làm nguồn sống chính (của một bộ phận dân cư). Trong nội dung bài viết, chúng tôi không luận bàn sâu về khái niệm giá trị nói chung hoặc giá trị văn hóa nói riêng mà đề cập trực tiếp vào những giá trị đặc trưng của văn hóa biển Việt Nam. Một cách tóm lược, *“Giá trị văn hóa là một dạng thức đặc biệt của giá trị xã hội. Nó là kết tinh của lựa chọn văn hóa cao nhất của các tộc người cụ thể trong những bối cảnh nhất định để tồn tại, phát triển và hội nhập vào trường văn hóa rộng lớn hơn”* [15].

Văn hóa biển có thể nhìn nhận từ phương diện vật chất (phương tiện, khí tài để chinh phục, khai thác, bảo vệ biển cũng như những cơ sở vật chất như cầu cảng, tàu thuyền, cơ sở thờ tự, làng vạn chài nơi ngư dân sinh sống,...) và phương diện tinh thần (yêu biển, hướng biển, tư duy về biển, các sinh hoạt tinh thần trong mối quan hệ với biển,...).

Có thể chia văn hóa biển thành các dạng thức ứng xử như: ứng xử với môi trường tự nhiên biển đảo (văn hóa sản xuất

là kỹ thuật và bí quyết chế tác tàu thuyền, kinh nghiệm đi biển ứng xử với những tình huống bất trắc trên biển; kỹ thuật và bí quyết nuôi trồng đánh bắt thủy, hải sản,...); ứng xử với môi trường xã hội (cư dân biển đảo có một tập hợp tín ngưỡng: thờ cá voi/cá ông, thờ các loài thủy tộc đã được thiêng hóa,...) và ứng xử với môi trường xã hội (văn hóa tổ chức như các làng vạn chài, cộng đồng ngư dân) [9].

Nếu phân chia văn hóa biển thành văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể, chúng ta có thể thấy rõ, văn hóa biển Việt Nam rất đa dạng đặc trưng và phong phú về loại hình. Về văn hóa vật thể, có thể kể đến những đối tượng là vật chất gắn với cộng đồng dân cư làng vạn chài như đền thờ thần, phương tiện và hình thức khai thác biển,... Về văn hóa phi vật thể, có thể kể đến lối sống, tư duy, câu ca, điệu hát, hò vè, tâm thức, thờ cúng và lễ hội các đối tượng gắn liền với biển và đời sống của cư dân ven biển, đảo, cách thức tổ chức làng vạn chài, những kiêng kỵ có liên quan đến sinh hoạt và khai thác gắn liền môi trường biển. Tuy nhiên, cách phân loại văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể cũng chỉ là tương đối và không rạch ròi, các đối tượng phụ thuộc nhau trong một hệ thống văn hóa [25].

Có thể điểm qua các giá trị văn hóa biển đặc trưng: Văn hóa vật thể liên quan đến biển như: kiến trúc, nghệ thuật đình, đền làng cư dân biển; thuyền/bè đi trên mặt nước/biển; làng vạn chài cư dân ven biển; ẩm thực, mặc, đi lại; các di chỉ văn hóa như: Hạ Long, Bàu Tró, Sa Huỳnh, Óc Eo,...; Văn hóa phi vật thể liên quan đến biển như: tín ngưỡng thờ cúng cá Ông; tín

ngưỡng thờ Mẫu, Nữ thần biển; Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa; Lễ hội đua thuyền; Múa hát sắc bùa; Hát bả trạo, truyện kể dân gian; tri thức bản địa (về chế tạo công cụ mưu sinh, kỹ thuật khai thác biển, bảo quản và chế biến thủy sản,...).

Ưu tiên phát triển loại hình du lịch gắn với biển, hải đảo, nhấn mạnh yếu tố văn hóa và sinh thái đặc sắc trong sản phẩm du lịch. Hoạt động du lịch gắn kết nhiều hơn với các nội dung văn hóa, phát huy giá trị bản sắc văn hóa du lịch tại các địa phương.

2.4. Quan niệm về du lịch biển đảo và xây dựng sản phẩm du lịch văn hóa biển đảo Việt Nam

Quan niệm về du lịch biển đảo của các nhà nghiên cứu nước ngoài

Từ trước đến nay, khi đề cập đến du lịch biển đảo, người ta thường nhận thức đó chính là loại hình du lịch sinh thái thuần túy và du lịch sinh thái ở đây cũng được hiểu theo hướng thiên về các yếu tố tự nhiên (khai thác các yếu tố tự nhiên). Tuy nhiên, hiểu một cách đầy đủ hơn, chúng ta có thể nhận thấy rất rõ ràng rằng, du lịch biển đảo không phải là loại hình du lịch sinh thái thuần túy chỉ gắn với các yếu tố thiên nhiên mà nó còn kết hợp rất chặt chẽ với nhiều yếu tố nhân tạo, nhân văn do chính con người tạo ra, và nếu nhìn loại hình du lịch biển đảo là một tiểu hệ thống hay một chỉnh thể thì đó chính là sự biểu hiện của các mối quan hệ từ nhiều yếu tố khác nhau (không chỉ là yếu tố thiên tạo mà còn nhiều yếu tố nhân tạo, nhân văn hay văn hóa). Nội hàm của du lịch biển đảo đòi hỏi không chỉ khai thác các yếu tố từ tài nguyên du lịch tự nhiên mà còn có các yếu tố quan trọng khác như tín ngưỡng, phong

tục, lễ hội của ngư dân và văn hóa bản địa. Như vậy, khi du khách tham gia vào hoạt động du lịch biển đảo, họ không chỉ yêu cầu được thỏa mãn về các giá trị từ tài nguyên thiên nhiên mà quan trọng không kém là họ muốn hòa mình vào cả một không gian văn hóa biển đảo ở địa phương, từ văn hóa vật chất đến văn hóa tinh thần (hay văn hóa vật thể và phi vật thể) với nhiều hoạt động cụ thể. Minh chứng cho điều này, nhà nghiên cứu Mark Orams đưa ra bốn phương diện của du lịch biển đảo: du lịch biển dựa vào hoạt động (Activity-based marine tourism); du lịch biển dựa vào tự nhiên (Nature-based Marine Tourism); những điểm lôi cuốn về văn hóa và xã hội (Social and Cultural Attractions), những sự kiện đặc biệt (Special Events) chứ không đơn giản là ba yếu tố Sand-Sun-Sea” [10].

Nhà nghiên cứu Sharr Steele Prohaska cho rằng, khách du lịch khi tham gia vào các hoạt động du lịch biển đảo có xu hướng tìm đến các di tích văn hóa, di sản trên đảo, vùng biển để biết thêm những tri thức mới về văn hóa bản địa, và những du khách có nhu cầu tìm hiểu, thưởng thức các giá trị văn hóa thường được xếp vào nhóm có nhu cầu văn hóa cao hơn nhóm du lịch đại trà. Theo đó, “*Sự phát triển các loại hình du lịch dựa vào năng và cát biển kết hợp với du lịch di sản, văn hóa sẽ tạo nên những triển vọng rất tốt cho những điểm đến du lịch trên đảo*” [10].

Nhà nghiên cứu Ron Ayres quan niệm, “*Trong khi trước đây, văn hóa không cần thiết và cũng không phải là điều kiện cần để phát triển du lịch, đặc biệt là trên các đảo nhỏ thì giờ đây đã nhận ra rằng văn*

hóa bản địa và hệ thống di sản là nguồn tài nguyên quan trọng và có thể xem là một phần của sản phẩm du lịch” [10]. Và “Chính từ những thay đổi này nên trong hoạt động du lịch biển đảo hiện nay, vai trò của cộng đồng địa phương, đặc biệt là ngư dân và cư dân ven biển rất quan trọng và góp phần rất lớn vào thành công của hoạt động du lịch biển đảo” [10].

Quan điểm đề cao mô hình 3S (Sea-Sun-Sand) hay mô hình 5S (Sun-Sand-Sea-Surf-Sex) không còn phù hợp hoặc duy nhất đối với xu hướng du lịch biển đảo trên thế giới hiện nay. Theo quan điểm mới, yếu tố văn hóa biển phải được đặt lên hàng đầu. Văn hóa biển chính là yếu tố quan trọng, thu hút du khách đến, lưu trú dài ngày và quan trọng hơn là có thể làm cho du khách quay trở lại. Đồng thời, văn hóa biển sẽ làm nên yếu tố đặc trưng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa du lịch biển đảo riêng biệt của địa phương [10]. Nhà nghiên cứu Peter Mac Nulty mô tả, *“Du lịch biển là một bộ phận của ngành công nghiệp du lịch mà ở đó du khách tham gia vào những hoạt động nghỉ dưỡng hay những kỳ nghỉ, chuyển đi một cách chủ động hay bị động ở những vùng biển ven bờ, bờ biển và duyên hải” [10].* Nhận thức của các chuyên gia du lịch thế giới về du lịch biển đảo đã có sự chuyển biến từ du lịch biển đảo hoàn toàn dựa vào tài nguyên du lịch biển đảo tự nhiên đến việc tận dụng văn hóa biển đảo để làm phong phú thêm sản phẩm du lịch, giúp du khách trải nghiệm được nhiều hơn trong các chuyến du lịch biển đảo của họ.

Quan điểm về du lịch biển đảo Việt Nam

Ở Việt Nam các loại hình nghỉ dưỡng biển kết hợp với tham quan, khám phá cảnh quan sinh thái biển, du lịch thể thao mạo hiểm biển đảo,... ngày càng trở nên phổ biến. Tuy nhiên, loại hình du lịch văn hóa biển và các sản phẩm du lịch kèm theo chưa được quan tâm. Nhiều đề án phát triển du lịch biển đảo và vùng ven biển Việt Nam đến năm 2020 nhưng hầu như chưa đề cập loại hình du lịch văn hóa biển đảo. Chính vì vậy, hơn bao giờ hết, Việt Nam hiện nay nên xây dựng loại hình du lịch văn hóa biển đảo nhằm thu hút du khách tham nhận, thưởng thức, trải nghiệm các giá trị văn hóa biển Việt Nam: tín ngưỡng, lễ hội, dân ca, làng vịnh chài, ghe bầu, ẩm thực,... Tổ chức đưa du khách trong và ngoài nước đến các điểm du lịch có những di sản văn hóa biển vật thể và phi vật thể để thưởng thức, trải nghiệm (Vân Đồn, Viện bảo tàng Chăm, Đà Nẵng, Hội An, Nha Trang, Óc Eo, Trường Sa,...) là một trong những giải pháp góp phần phát triển du lịch văn hóa biển ở nước ta.

Sản phẩm du lịch văn hóa biển đảo ở đây chính là sự kết hợp giữa tài nguyên du lịch, dịch vụ du lịch và cơ sở hạ tầng vật chất - kỹ thuật. Tài nguyên du lịch ở đây là các giá trị văn hóa biển đảo đa dạng và phong phú của các cư dân sinh sống dọc theo biển và đảo Việt Nam. Sự kết hợp giữa các giá trị văn hóa biển đảo, dịch vụ du lịch, cơ sở hạ tầng vật chất - kỹ thuật tạo nên sản phẩm du lịch văn hóa biển đảo đa dạng và đặc thù, thu hút du khách trong và ngoài nước đến trải nghiệm, thụ hưởng chúng.

Một số giá trị văn hóa biển của các điểm du lịch văn hóa biển tiêu biểu như lễ

hội trên biển, cá Ông, hát bả trạo, làng nghề đóng ghe bầu Quảng Nam, làng vạn chài, ẩm thực biển,... Du lịch văn hóa biển đảo là loại hình du lịch có chiều sâu và mới cho nên các sở du lịch, các địa phương, các doanh nghiệp và cộng đồng cần xây dựng chu đáo, có kế hoạch để nâng cao giá trị của sản phẩm du lịch loại hình này. Điều cần thiết đầu tiên là phải có sự hiểu biết về văn hóa biển Việt Nam.

Cần kết hợp loại hình du lịch văn hóa biển đảo với các loại hình du lịch khác như du lịch cảnh quan sinh thái biển, du lịch ẩm thực biển,... để nâng cao giá trị thẩm nhận của du khách, góp phần bảo vệ biển đảo thuộc chủ quyền Việt Nam ở Biển Đông.

3. KẾT LUẬN

Thông qua lịch sử văn hóa biển đảo Việt Nam được các nhà nghiên cứu đi trước trình bày, chúng tôi muốn khẳng định rằng, Việt Nam có văn hóa biển từ lâu đời, còn văn hóa biển Việt Nam biểu hiện ở mức độ nào vẫn tùy thuộc vào nhiều khía cạnh, trong đó có quan điểm của các nhà nghiên cứu. Chúng tôi cho rằng, văn hóa biển cùng với văn hóa núi và văn hóa đồng bằng là ba trụ cột hợp thành văn hóa Việt Nam. Không thể nào có văn hóa Việt Nam như hiện nay mà thiếu văn hóa biển, hoặc văn hóa núi cũng như văn hóa đồng bằng. Các thành tố văn hóa quan trọng vừa nêu trên tương tác với nhau và hình thành nên “văn hóa Việt Nam”. Tùy vào địa hình, tính chất vùng miền mà các thành tố văn hóa trên có độ đậm nhạt khác nhau. Dù không đồ sộ như văn hóa nông nghiệp, văn hóa lúa nước, những cư dân ven biển cũng đã tạo dựng cho mình được một nền văn hóa biển đáng trân trọng, và cần được phát huy giá

trị. Văn hóa biển ở Việt Nam không thể được hiểu một cách đồng nhất, mà chúng ta phải hiểu rằng, văn hóa biển ở Việt Nam có nhiều cấp độ, nhiều dạng thức như trên bờ, biển ven bờ, biển lồng, biển khơi, biển bãi ngang, biển bãi dọc, biển đại dương,... [25]. Đặc biệt, văn hóa biển Việt Nam có sự chuyển tiếp từ văn hóa nông nghiệp, văn hóa làng xã do những con người vốn gốc là nông dân trong đồng bằng mang ra biển khi họ di cư đến vùng biển để làm ăn, sinh sống. Có một thực tế mà không ai có thể phủ nhận được là tính chất văn hóa biển của người Việt Nam và các tộc người sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam được tăng cường cùng với thời gian và sự mở rộng không gian sinh tồn. Theo cách nói của Giáo sư Trần Quốc Vượng, văn hóa biển Việt Nam đã “triển nở” theo không gian và thời gian [20].

Bấy lâu nay, du lịch biển đảo được chúng ta khai thác chủ yếu về mặt tự nhiên (tức cái thiên nhiên sẵn có như bãi tắm, vũng vịnh, cảnh quan biển đẹp,...) để phát triển du lịch nghỉ dưỡng biển, thể thao biển, mà chưa nhận diện và phát huy được giá trị văn hóa biển một cách tốt nhất nhằm tạo ra những sản phẩm du lịch văn hóa biển đặc thù của một đất nước có hơn 3.260 km bờ biển, một quốc gia có chỉ số duyên hải (ISCL) thuộc loại cao nhất thế giới. Chính vì vậy, trong thời gian sắp tới, Việt Nam nên xây dựng kế hoạch và triển khai văn hóa biển Việt Nam trong du lịch và xây dựng các sản phẩm du lịch văn hóa biển đảo Việt Nam, góp phần ngày càng đa dạng sản phẩm du lịch, nâng cao vị thế của du lịch Việt Nam trên trường quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. David J. Steward (2011), *The sea their graves - An archeology of death and remembrance in maritime culture*, University Press of Florida.
2. Della A. Scott-Ireton (edited, 2014), *Between devil and the deep - Meeting challenges in the Public Interpretation of Maritime cultural heritage*, Springer, New York.
3. E. Ju. Tereshchenko (2011), *Hiện tượng văn hóa biển và văn minh biển* (Đoàn Tâm dịch), Thông tin Khoa học Xã hội, số 8/2014.
4. Jame D. Spired & Della A. Scott - Ireton (edited, 2003), *Submerged cultural Resource management - Preserving and Interpreting our Maritime heritage*, Kluwer/Plenum Publisher, New York.
5. Kenneth R. Hall (1985), *Maritime trade and State development in Early Southeast Asia*, University of Hawai'i Press.
6. Kenneth R. Hall (2011), *A history of Early Southeast Asia - Maritime trade and societal development, 100-1500*, Rowman & Littlefield Publishers.
7. Lê Anh Tuấn (2016), *Một số vấn đề về phát triển du lịch biển đảo tại Việt Nam*, in trong Kỷ yếu Phát triển du lịch biển đảo Việt Nam trong thời kỳ hội nhập, Trường Đại học Văn Hiến.
8. Ngô Đức Thịnh (2014), *Văn hóa biển cận duyên (từ tiếp cận nhân học văn hóa*, Tạp chí Phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng, số 60/2014; in lại trong *Biển đảo Việt Nam: lịch sử - chủ quyền - kinh tế - văn hóa*, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ.
9. Nguyễn Chí Bền (2015), *Văn hóa biển đảo Việt Nam: Giá trị và tiếp cận*, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 1(17).
10. Nguyễn Hữu Nghị (2016), *Vị trí của du lịch biển đảo trong các loại hình du lịch của Việt Nam*, in trong Các loại hình du lịch hiện đại, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
11. Nguyễn Văn Kim (2016), *Vân đồn - Thương cảng quốc tế của Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
12. Nhiều tác giả (2016), *Biển đảo Việt Nam: Lịch sử, chủ quyền, kinh tế, văn hóa*, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ.
13. Phan Huy Lê (2015), *Lịch sử và văn hóa Việt Nam: Tiếp cận bộ phận*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
14. Phan Huy Lê (Chủ biên, 2017), *Vùng đất Nam Bộ: Quá trình hình thành và phát triển*, Nxb. Chính trị Quốc gia.
15. Phan Huy Xu và Võ Văn Thành (2016), *Bàn về văn hóa du lịch Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
16. Trần Ngọc Thêm (2013), *Những vấn đề về Văn hóa học - Lý luận và ứng dụng*, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ.

17. Trần Ngọc Thêm (2015), *Tình hình nghiên cứu văn hóa biển đảo và giáo dục, tuyên truyền chủ quyền biển đảo Việt Nam*, in trong Văn hóa biển đảo: Nguồn lực phát triển bền vững, Nxb. Lao động.
18. Trần Quốc Vượng (2003), *Văn hóa Việt Nam - Tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn học.
19. Trần Quốc Vượng (2006), *Dặm dài đất nước - Những vùng đất, con người, tâm thức người Việt* (tập 2), Nxb. Thuận Hóa.
20. Trần Quốc Vượng và các tác giả (2015), *Văn hóa Việt Nam - Những hướng tiếp cận liên ngành*, Nxb. Văn học.
21. Viện Đông Nam Á (1996), *Biển với người Việt cổ*, Nxb. Văn hóa - Thông tin.
22. Võ Nguyên Giáp 1977/2014 (2014), *Biển và kinh tế biển Việt Nam*, in lại trong Tạp chí Xưa & Nay, số 452.
23. Vũ Minh Giang (2015), *Văn hóa biển đảo ở Việt Nam*, Tạp chí Xưa & Nay, số 455.
24. Đặng Văn Thắng (Chủ biên, 2017), *Các tiểu quốc thuộc vương quốc Phù Nam ở Nam Bộ*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
25. Ngô Đức Thịnh (2006), *Văn hóa, văn hóa tộc người và văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội.
26. *On the Shanghai World Expo in the cultural characteristics of marine*, dẫn lại từ <http://eng.hi138.com>.

Ngày nhận bài: 04/5/2017. Ngày biên tập xong: 14/7/2017. Duyệt đăng: 17/7/2017